

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Toà án nhân dân thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Như Điềm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Ái T**, sinh năm 1998, địa chỉ: **G khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**, có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1998, địa chỉ: **Số D Cách mạng tháng T, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 - 3- 2024, quá trình hòa giải tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Bà **Trịnh Ái T** và ông **Nguyễn Thanh T1** quen và yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại **UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 23 tháng 9 năm 2019.

Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Từ tháng 02 năm 2021 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông **T1** không chăm lo cho gia đình, ham chơi, vợ chồng không tâm đầu ý hợp, không cùng quan điểm dẫn đến bất hòa, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay bà **T** và ông **T1** mâu thuẫn trầm trọng, nên bà **T** đã chuyển về **L** sinh

sống. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Bà Trịnh Ái T và ông Nguyễn Thanh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/02/2021, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông Tú d nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Ái T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Tại bản tự khai ngày 16/4/2024 ông T1 khai Ngày 23/9/2019 ông T1 và bà T kết hôn tại UBND phường P, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng năm về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ông T1, bà T quá trình không thể nhường nhịn nhau dẫn đến mâu thuẫn.

- Về con chung: Bà Trịnh Ái T và ông Nguyễn Thanh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/02/2021, ông T1 đề nghị giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông Tú d nuôi con, nên ông T1 không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Thanh T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Ái T. Về con chung: Bà Trịnh Ái T và ông Nguyễn Thanh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/02/2021. Đề nghị giao con cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị ghi nhận ý kiến của bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà **Trịnh Ái T** và ông **Nguyễn Thanh T1** là tranh chấp ly hôn, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thành phố B** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ 2 lần vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trịnh Ái T** và ông **Nguyễn Thanh T1** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống bà **T** cho rằng giữa bà **T** và ông **T1** có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông **T1** không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không cùng chí hướng, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, bà **T** nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, từ tháng 2 năm 2024 cho đến nay. Bà **T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **T1**.

Đối với ông **T1**, Tòa án cũng đã nhiều lần mời ông **T1** đến Tòa án để hòa giải cho ông bà nhưng ông chỉ đến làm việc ngày 16/4/2024, ông **T1** khai, ông và bà **T** có mâu thuẫn trầm trọng. Những lần khác vắng mặt không có lý do. Như vậy ông **T1** đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không nỗ lực để giải quyết mâu thuẫn giữa ông và bà **T** Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà **T** và ông **T1** đã thật sự trầm trọng.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, thẩm phán đã nhiều lần phân tích động viên bà **T** trở về đoàn tụ nhưng bà **T** không đồng ý, tha thiết xin được ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc bền vững. Vì vậy cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà **T** về việc xin ly hôn với ông **T1**.

[3] Về con chung: Bà **Trịnh Ái T** và ông **Nguyễn Thanh T1** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Khả N**, sinh ngày 13/02/2021. Hiện nay cháu **N** còn nhỏ đang sinh sống cùng bà **T**. Bà **T** đề nghị giao cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **N** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà **T** không yêu cầu ông **T1** cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của bà **T**.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T1 và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Ái T đối với ông Nguyễn Thanh T1 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Ái T ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khả N, sinh ngày 13/02/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh T1 quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Trịnh Ái T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001109 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy bà T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường Phước Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dung